

Bản án số: 57/2018/HS-ST
Ngày 10-7-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, TP HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhã

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Đông

Ông Đỗ Văn Mạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hữu Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Đào Quang Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 50/2018/TLST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2018/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Hà Quý C, sinh ngày 20/7/2000 tại thành phố H (Ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo được 17 tuổi 29 ngày). Nơi cư trú: Thôn D, xã T, huyện T, thành phố H; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn T và bà Lương Thị H; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 24/4/2018 đến ngày 03/5/2018 chuyển tạm giam; có mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Ông Hà Văn T sinh năm 1980 và bà Lương Thị H sinh năm 1980 (là cha, mẹ của bị cáo); nơi cư trú: Thôn D, xã T, huyện T, thành phố H; ông T có mặt, bà H vắng mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Lương Thị T - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố H; có mặt.

- *Bị hại:* Anh Tô Khánh L, sinh năm 1990; ĐKKHKT: Thôn N, xã A, huyện A, thành phố H; địa chỉ hiện nay: Thôn K, xã T, huyện T, thành phố H; vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Chị Hoàng Thị X, anh Hoàng Phú T và anh Hoàng Phú K; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 06/2017, Mai Viết H đến cửa hàng điện thoại L APPLE ở Thôn K, xã T, huyện T của anh Tô Khánh L, sinh năm 1990 là người xã A, huyện A, thành phố H để sửa điện thoại. H biết anh L thuê cửa hàng tại Thôn K, xã T, huyện T, buổi tối anh L đóng cửa về nhà, cửa hàng không có người trông coi nên H đã nảy sinh ý định cạy vách tường bằng tôn vào trong cửa hàng để lấy tài sản. Khoảng 01 giờ ngày 19/8/2017, H nhắn tin cho Hà Quý C với nội dung “Chốc mày vào đón anh để anh vào đập cái cửa hàng điện thoại này”. Khi đó, C đang ngồi chơi điện tử ở quán Internet ở Thôn T, xã T cùng bạn là Hoàng Văn T sinh năm 2000 ở xã C, huyện T nên C đã rủ T cùng đến nhà H, T đồng ý. T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 16H1-4707 do T mượn của Vũ Văn D sinh năm 2001 ở Thôn N, xã T chở C đến nhà H (khi đi T mang theo 01 túi đeo chéo màu đen pha vàng kích thước khoảng 30cm x 25cm, bên trong có 01 dao gọt hoa quả dài 25cm và 01 sim điện thoại di động có số thuê bao là 0936.539.891). Sau đó, T chở C và H đến khu vực quán nước chè gần cửa hàng điện thoại của anh L. Tại đây, H nói riêng với C “Ở đây làm vụ này với anh” và bảo C “Đứng ngoài trông cửa, thấy người hù cho anh một tiếng anh biết”, C hiểu ý H nên đã đồng ý. Sau đó, H bảo T đưa cho C mượn túi xách rồi bảo T đi về, T đã điều khiển xe mô tô đi về quán Internet. Sau khi T đi về, H đến khu vực chợ T nhặt được một thanh tre, H dùng thanh tre cạy, chống vách tường bằng tôn nhưng do thanh tre dài H không cạy được. H đưa thanh tre cho C bẻ ngắn lại được đoạn dài khoảng 40cm đến 50cm. H, C tiếp tục dùng thanh tre chống phần tường xây bằng gạch với vách tường bằng tôn giáp với quán nước chè nhà anh Hoàng Phú K tạo thành một lỗ thoáng kích thước khoảng 40cm x 40cm. C ngồi ở ngoài cạnh giới còn H chui qua lỗ vào trong cửa hàng. H ngắt cầu dao điện khiến thiết bị camera của quán không hoạt động. Sau đó, H đi đến tủ kính chứa điện thoại ở giữa quán, dùng tay xê dịch mặt kính phía trên tủ kính rồi

lấy được 04 điện thoại di động (gồm 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung G3818 màu trắng, 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo màu trắng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 6300 và 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia A1) cho vào túi quần. Lúc này, anh Hoàng Phú K phát hiện C đứng ở khu vực trước cửa nhà anh có biểu hiện nghi vấn nên đã hô hoán, C bỏ chạy vút lại chiếc túi xách và đôi dép tông màu xanh ở trước cửa quán điện thoại của anh L. H ở trong quán nghe thấy có tiếng người hô hoán nên đã trèo lên mái tôn trong quán chui ra ngoài chạy thoát về nhà, còn C đi đến quán Internet tiếp tục chơi điện tử với T.

Sáng ngày 20/8/2017, T và C đến nhà H chơi. T thấy H để ở mặt bàn trong nhà 03 điện thoại gồm 01 điện thoại Samsung G3818 màu trắng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 6300, 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia A1 nên đã hỏi mượn chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung G3818 màu trắng để sử dụng, H không nói cho T biết nguồn gốc 03 chiếc điện thoại trên và đồng ý cho T mượn sử dụng. T sử dụng được một thời gian do cần tiền nên đã cầm cố cho anh Hoàng Hải D sinh năm 1998 ở xã M, huyện T được số tiền 500.000 đồng.

Ngay trong đêm ngày 19/8/2017, được mọi người thông báo, anh L đã đến cửa hàng của mình kiểm tra phát hiện vách tường bằng tôn bị cạy phá, tủ để điện thoại bị xê dịch và bị mất 04 điện thoại di động (gồm 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung G3818 màu trắng, 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo màu trắng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 6300 và 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia A1). Kiểm tra xung quanh anh L phát hiện 01 túi đeo chéo màu đen pha vàng kích thước khoảng 30cm x 25cm, bên trong có 01 dao gọt hoa quả dài 25cm, 01 sim điện thoại di động có số thuê bao là 0936.539.891. Anh L đã trình báo và giao nộp số tang vật trên cho Công an huyện T. Cơ quan công an tiến hành xác định hiện trường và thu giữ 01 đôi dép tông màu xanh có kích thước dài 25cm, rộng nhất là 10cm. Thông qua việc kiểm tra sim điện thoại di động có số thuê bao là 0936.539.891 do anh L giao nộp, cơ quan công an phát hiện tại phần danh bạ có số điện thoại lưu “A H” nên đã triệu tập H lên làm việc, H đã khai nhận hành vi phạm tội và tự nguyện giao nộp 03 điện thoại điện thoại đã chiếm đoạt được của anh L. Triệu tập Hà Quý C, C khai nhận hành vi như trên. Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm đoạn tre mà H khai dùng để tạo lỗ hông tường cửa hàng điện thoại của anh L nhưng không có kết quả. Sau khi biết chiếc điện thoại di động mà T cầm cố là tài sản do phạm tội mà có nên ngày 29/8/2017, anh Hoàng Hải D đã tự nguyện giao nộp chiếc điện thoại di động trên cho Cơ quan điều tra.

Bản Kết luận định giá tài sản ngày 05/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung G3818 màu trắng trị giá 1.500.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu trắng trị giá 2.500.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 6300 trị giá 600.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia A1 trị giá 600.000 đồng. Tổng trị giá 04 điện thoại di động mà H đã chiếm đoạt của anh L là 5.200.000 đồng. Sau khi tiến hành các hoạt động điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại 04 điện thoại di động trên cho anh L, anh L không có yêu cầu bồi thường và xin giảm nhẹ hình phạt cho H và C.

Hà Quý C bỏ trốn khỏi địa phương, Cơ quan điều tra Công an huyện T đã ra quyết định truy nã bị can, tách và tạm đình chỉ điều tra vụ án đối với C. Ngày 10/4/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã ban hành cáo trạng số 47/CT-VKS truy tố Mai Viết H ra trước Tòa án nhân dân huyện T để xét xử về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Đối với hành vi của Hoàng Văn T mượn chiếc điện thoại Samsung do H phạm tội mà có, sau đó T đã mang đi cầm cố. Hiện T vắng mặt tại địa phương, tài liệu điều tra chưa đủ căn cứ kết luận T có hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra tách ra làm rõ xử lý sau.

Đối với anh Hoàng Hải D nhận cầm cố điện thoại di động của Hoàng Văn T nhưng anh D không biết là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Ngày 23/4/2018, Hà Quý C bị bắt theo quyết định truy nã. Tại Cơ quan điều tra, C khai nhận toàn bộ hành vi của mình như nêu trên.

Bản cáo trạng số 62/CT-VKS ngày 13/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H truy tố bị cáo Hà Quý C về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo C đã có hành vi giúp sức cho Mai Viết H cạy vách tường bằng tôn cửa hàng điện thoại của anh Tô Khánh L và đứng cảnh giới để H lấy 04 điện thoại di động trị giá 5.200.000 đồng vào ngày 19/8/2017. Hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo C sau khi phạm tội đã bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hà Quý C

phạm tội Trộm cắp tài sản. Áp dụng khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, xử phạt bị cáo C từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/4/2018. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng được giải quyết trong vụ án khác. Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo C khai nhận hành vi của mình như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, do có quan hệ anh em xã hội với Mai Viết H nên ngày 19/8/2017 bị cáo đã có hành vi giúp sức cho H cạy vách tường bằng tôn cửa hàng điện thoại của anh L và đứng cảnh giới để H vào bên trong cửa hàng lấy 04 điện thoại di động, bị cáo biết việc làm của mình là vi phạm pháp luật, ăn năn hối hận và đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Đồng ý với tội danh, điều luật áp dụng và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố đối với bị cáo. Bị cáo là người chưa thành niên nên khả năng nhận thức và hiểu biết pháp luật còn nhiều hạn chế, trong suy nghĩ cũng như hành động thường bột phát và không nhận thức hết được hậu quả do hành vi của mình gây ra. Mặt khác, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là người giúp sức, không trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp và cũng không được hưởng lợi gì. Bị cáo có cụ nội và bà ngoại tham gia kháng chiến chống Mỹ là một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo, căn cứ vào khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo được cải tạo ngoài xã hội.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo là ông Hà Văn T trình bày: Hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, sự việc xảy ra cũng một phần là do gia đình chưa quan tâm nhiều đến bị cáo. Bị cáo còn nhỏ tuổi, khả năng nhận thức còn hạn chế, chưa hiểu biết pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội để gia đình và địa phương quản lý, giáo dục bị cáo để bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

- Về tố tụng:

[1]. Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Hành vi, quyết định tố tụng của thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Về tội danh và điều luật áp dụng:

[3]. Bị cáo C đã có hành vi giúp sức cho Mai Viết H cạy vách tường bằng tôn cửa hàng điện thoại của anh Tô Khánh L và đứng canh giới để H vào bên trong cửa hàng lấy 04 điện thoại di động có tổng trị giá 5.200.000 đồng vào ngày 19/8/2017. Bị cáo C thực hiện hành vi phạm tội trước 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018 nhưng sau ngày 01/01/2018 mới bị xét xử sơ thẩm. Căn cứ vào Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, với hành vi nêu trên bị cáo C đã phạm tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

- Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất vụ án và hình phạt:

[4]. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đối với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo về việc bị cáo có cụ nội và bà ngoại tham gia kháng chiến chống Mỹ nên cần cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ

luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận.

[5]. Đây là một vụ án đồng phạm. Phân hóa vai trò, vị trí đồng phạm xét thấy: Bị cáo C là người giúp sức cho Mai Viết H trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp nên bị cáo C có vị trí, vai trò thấp hơn đồng phạm khác.

[6]. Đối với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo về việc cho bị cáo được hưởng án treo, Hội đồng xét xử xét thấy quá trình điều tra bị cáo C đã bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã, căn cứ vào khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên không có căn cứ chấp nhận. Bị cáo bỏ trốn thể hiện bị cáo không chấp hành pháp luật nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn và buộc bị cáo chấp hành tại trại giam trong một thời hạn nhất định mới đủ để răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo, giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên, khi phạm tội bị cáo C chưa thành niên (được 17 tuổi 29 ngày) nên khả năng nhận thức về tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội chưa đầy đủ, do đó cần áp dụng Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 khi quyết định mức hình phạt đối với bị cáo.

[7]. Khoản 5 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 quy định bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và bị cáo là người chưa thành niên, không có nghề nghiệp, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

[8]. Về bồi thường thiệt hại đã được giải quyết xong, người bị hại đã được trả lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9]. Về xử lý vật chứng được giải quyết trong vụ án Mai Viết H nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58;

Điều 90; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, xử phạt bị cáo Hà Quý C 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ ngày 24/4/2018.

Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Hà Quý C phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố H;
- VKSND thành phố H;
- VKSND huyện T;
- Cơ quan điều tra CA huyện T;
- Cơ quan THAHS CA huyện T;
- Trại tạm giam CA thành phố H;
- Chi cục THADS huyện T;
- Sở Tư Pháp thành phố H;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhã